

Số: 2178405

|                                            | Kia Carens 1.5G MT Deluxe | Kia Carens 1.5G Luxury (mới) |
|--------------------------------------------|---------------------------|------------------------------|
| Listed price:                              | 589.000.000đ              | 669.000.000đ                 |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                   |                           |                              |
| Overall size (mm)                          | 4540 x 1800 x 1750        | 4540 x 1800 x 1750           |
| The standard long (mm)                     | 2780                      | 2780                         |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5310                      | 5310                         |
| Ground clearance (mm)                      | 190                       | 190                          |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1290                      | 1297                         |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1850                      | 1920                         |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 216                       | 216                          |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 45                        | 45                           |
| Number of seats                            | 7                         | 7                            |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước          | SX-LR trong nước             |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                      |                           |                              |
| Loại động cơ                               | SmartStream 1.5G          | SmartStream 1.5G             |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1497                      | 1,497                        |
| Maximum power (hp @ rpm)                   | 113 / 6300                | 113 / 6,300                  |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 144 / 4500                | 144 / 4,500                  |
| Gear                                       | 6MT                       | IVT                          |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)           | Cầu trước (FWD)              |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                 | McPherson                    |
| Rear suspension                            | Thanh xoắn                | Thanh xoắn                   |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                       | Đĩa                          |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                       | Đĩa                          |
| Thông số lốp xe                            | 215/55 R17                | 215/55 R17                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8.9                       | 8.4                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.9                       | 5.9                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.9                       | 6.8                          |
| NGOẠI THẤT:                                |                           |                              |
| Cụm đèn trước                              | Halogen                   | LED                          |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                         | ●                            |
| Cụm đèn sau                                | LED                       | LED                          |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | Chỉnh điện                | ●                            |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                      |                           |                              |
| Chất liệu ghế                              | Da                        | Da                           |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                         | ●                            |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                         | ●                            |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                         | ●                            |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | 4.2" TFT + SEG LCD        | 4.2" TFT + SEG LCD           |
| Màn hình giải trí trung tâm                | AVN 8"                    | AVN 8"                       |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ●                         | ●                            |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 1                         | 1                            |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                   | ●                         | ●                            |
| Chìa khóa thông minh                       | ●                         | ●                            |
| Sound system                               | 6 loa                     | 6 loa                        |
| AN TOÀN:                                   |                           |                              |

|                                            |     |     |
|--------------------------------------------|-----|-----|
| Số túi khí                                 | 2   | 2   |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●   | ●   |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●   | ●   |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●   | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc<br>HLA | ●   | ●   |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●   | ●   |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Sau | Sau |
| Camera lùi                                 | ●   | ●   |